

Bài báo nghiên cứu

HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC NƯỚC ANH, LIÊN XÔ, MỸ, PHÁP TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954)

Nguyễn Thị Hương^{1*}, Lê Khắc Sự²

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Đại học Trần Quốc Tuấn, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hương – Email: huongngt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 14-11-2021; ngày nhận bài sửa: 17-02-2022; ngày duyệt đăng: 22-4-2022

TÓM TẮT

Sau ngày tuyên bố độc lập (02/9/1945), cùng với việc tập hợp sức mạnh toàn dân đấu tranh chống Pháp xâm lược, việc thiết lập và mở rộng quan hệ quốc tế với các nước Đồng minh chống phát xít (Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ) nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ và tìm kiếm giải pháp hòa bình cho nhân dân Việt Nam được xác định là rất quan trọng. Bằng các phương pháp nghiên cứu lịch sử – logic và phân tích, khảo cứu tư liệu, bài viết phân tích các hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với một số nước lớn trong những năm 1945 đến 1954, nhằm làm rõ chính sách ngoại giao khôn khéo, mềm dẻo, linh hoạt cũng như đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của người đứng đầu Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong hoạt động đối ngoại với đại diện các nước Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ, sau chiến tranh Thế giới thứ hai (năm 1945).

Từ khóa: hoạt động ngoại giao; Pháp; Chủ tịch Hồ Chí Minh; Liên Xô; Anh; Mỹ

1. Đặt vấn đề

Sau năm 1945, tình hình thế giới có nhiều thay đổi, các nước Đồng minh trong chiến tranh Thế giới thứ hai (1939-1945) giữ vai trò ngày càng quan trọng trong trật tự thế giới mới, đồng thời đang nắm mọi vấn đề trong Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Điều đó thể hiện rõ sức ảnh hưởng của lực lượng này đối với tình hình thế giới lúc bấy giờ. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (9/1945) trong hoàn cảnh phải đối phó với giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Để nâng cao nội lực của đất nước, đuổi giặc ngoại xâm nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, trong những năm 1945-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh với vai trò là người đứng đầu nhà nước đã tích cực đẩy mạnh hoạt động đối ngoại với một số nước Đồng minh nhằm tìm kiếm cơ hội hòa bình cho dân tộc Việt Nam. Bài viết trình bày những hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp, cụ thể với những

Cite this article as: Nguyen Thi Huong, & Le Khac Su (2022). President Ho Chi Minh's diplomatic activities with UK, USSR, USA and France in the war against the France (1945-1954). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(4), 614-627.

nước: Anh, Liên Xô, Mĩ, Pháp. Nhằm làm rõ sự cần thiết về hoạt động ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong quan hệ với một số nước Đồng minh trong chiến tranh, cũng như ý nghĩa, tác dụng của hoạt động ngoại giao với các nước này trong cuộc kháng chiến kiến quốc của dân tộc Việt Nam.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Bối cảnh quốc tế và tình hình Việt Nam giai đoạn 1945-1954

2.1.1. Bối cảnh quốc tế

Quan hệ giữa các nước của phe Đồng minh trong chiến tranh Thế giới thứ hai (1939-1945), ngoài mục tiêu chung là liên minh đánh bại chủ nghĩa phát xít thì còn xuất hiện những mâu thuẫn, rạn nứt xung quanh vấn đề thuộc địa. Trước khi chiến tranh kết thúc, quan hệ của những nước Liên Xô, Anh, Mĩ, Pháp đã bộc lộ những vấn đề sau.

Quan hệ giữa Pháp – Mĩ trở nên căng thẳng từ trước khi chiến tranh kết thúc. Chủ trương của Mĩ muốn thực hiện chính sách phi thực dân hóa hoặc lập chế độ thác quản quốc tế ở các thuộc địa cũ. Mĩ muốn thông qua chính sách này để gạt các nước Anh, Pháp, Hà Lan... ra khỏi các thuộc địa cũ của họ và xác lập ảnh hưởng của Mĩ đối với các nước thuộc địa này. Do đó, năm 1944, khi Pháp có ý định quay trở lại đặt ách thống trị lên Đông Dương, Ngoại trưởng Mĩ F. Roosevelt từng nói rõ lập trường của Hoa Kỳ đối với Đông Dương: “Cần xây dựng chính sách thác quản quốc tế ở Đông Dương... Nước Pháp đã “vắt sữa” Đông Dương hơn 100 năm rồi. Người Đông Dương có quyền được hưởng điều tốt đẹp hơn như thế” (Nguyen, 2015, p.33). Chủ trương trên của Mĩ được Liên Xô ủng hộ nhưng cả Anh và Pháp đều kịch liệt phản đối. Những xung đột giữa các nước lớn Đồng minh liên quan đến ý đồ của họ đối với thuộc địa, trong đó có Đông Dương, đã trở nên gay gắt.

Trong quan hệ Anh – Mĩ, nước Anh tuy liên minh với Mĩ chống Nhật Bản trong cuộc chiến tranh ở Viễn Đông nhưng cũng chống lại những chủ trương của Mĩ dẫn tới đảo lộn hệ thống thuộc địa ở Đông Nam Á. Họ sợ rằng chế độ thác quản do Mĩ đưa ra sẽ phải áp dụng tại các thuộc địa của Anh.

Quan hệ Anh – Pháp có phần khăng khít hơn so với các cường quốc khác. Cả Anh lẫn Pháp đều liên kết với nhau chống lại chủ trương của Mĩ về vấn đề phi thực dân hóa ở các thuộc địa cũ. Năm 1944, Chính phủ Anh đã đồng ý cho De Gaulle đặt một phái bộ quân sự của Pháp tại Bộ Chỉ huy Mặt trận Đông Nam Á của Anh đóng ở Ceylan. Tư lệnh các lực lượng Anh tại chiến trường Đông Nam Á đã tiếp Tổng chỉ huy lực lượng Pháp ở Viễn Đông và hứa hẹn giúp đỡ Pháp khi quân đội Anh vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật. Do đó, sau khi quân Anh – Ấn vào giải giáp quân đội Nhật thì ngày 09/10/1945, Anh đã kí với Pháp hiệp định chính thức công nhận chính quyền dân sự của Pháp tại Đông Dương. Và ngày 01 tháng Giêng 1946, Anh kí hiệp định trao quyền cho Pháp giải giáp quân đội Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16. Để đổi lại, Pháp nhân nhượng cho Anh một số quyền lợi ở Xyri, Libăng.

Về quan hệ Liên Xô – Pháp trong thời kì này có nhiều thay đổi theo cục diện của thế giới. Từ chỗ Liên Xô không ủng hộ Pháp quay lại Đông Dương, khi biết ý định của Pháp muốn đặt ách thống trị lần hai lên Đông Dương, năm 1943, nguyên soái Xtalin đã hoàn toàn ủng hộ ý kiến “Đông Dương không thể trả lại cho Pháp” của Hoa Kỳ và Tướng Giới Thạch. Tuy nhiên, để đối phó với âm mưu cô lập Liên Xô của Mĩ – Anh, Chính phủ Liên Xô đã kí với Pháp Hiệp ước Xô – Pháp (12/1944) coi Pháp như một đồng minh chống phát xít. Hiệp ước này đã ràng buộc phản ứng của Liên Xô đối với chính sách thuộc địa của Pháp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm rõ mục đích, dã tâm của mỗi nước trong vấn đề thuộc địa và sự tính toán lợi ích trong mỗi quan hệ của chúng. Vì vậy, cùng với các nhà cách mạng, nhà ngoại giao Việt Nam, Người đã vạch ra những sách lược và chiến lược ngoại giao phù hợp với tình hình đất nước ở những giai đoạn cụ thể.

Sau khi chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc (năm 1945), các nước lớn trong phe Đồng minh có những điều chỉnh chiến lược đối ngoại phù hợp với tình hình đất nước. Quan hệ giữa các nước lớn Đồng minh, trước hết là giữa Liên Xô với Mĩ, chuyển từ hợp tác trong chiến tranh sang đấu tranh ngày càng gay gắt trong hòa bình. “Liên Xô đã tập trung củng cố vành đai an ninh tại những vùng giáp biên cương của mình, duy trì hòa hoãn với các nước lớn, để giải quyết những vấn đề do chiến tranh để lại và ưu tiên giúp đỡ cách mạng Đông Âu” (Nguyen, 2015, pp.43-44). Ưu tiên chiến lược đối ngoại của Hoa Kỳ sau chiến tranh là “xác lập vai trò lãnh đạo của Mĩ trong hệ thống tư bản chủ nghĩa và thiết lập trật tự thế giới mới do Mĩ chi phối” (Nguyen, 2015, p.44). Do đó, Hoa Kỳ có nhu cầu lôi kéo Pháp và đã nhân nhượng với Pháp về vấn đề thuộc địa, trong đó có Đông Dương. Anh, Pháp đều có nhu cầu cấp bách là khôi phục kinh tế đất nước, bảo vệ vị trí nước lớn và duy trì hệ thống thuộc địa trên thế giới.

Sự phân hóa sau chiến tranh và tập hợp lực lượng mới trên thế giới cũng như ở Viễn Đông tác động không nhỏ tới tình hình Việt Nam. Nhiều nước dính líu ở mức độ khác nhau và quân đội các nước Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật. Điều này tạo ra một thách thức nghiêm trọng đối với cách mạng Việt Nam trong một lúc cùng đối phó với nhiều thế lực quân sự đối địch của các nước lớn có mặt tại Việt Nam.

2.1.2. Tình hình Việt Nam

Ngày 02/9/1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời kết thúc quá trình đô hộ của thực dân Pháp trên đất Việt Nam. Chính quyền cách mạng mới được thành lập còn non trẻ lại phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Nạn đói khủng khiếp đã giết chết hai triệu đồng bào ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ vẫn còn tiếp tục bị đe dọa, nhiều tỉnh bị ngập lụt nghiêm trọng, nền tài chính quốc gia bị suy sụp, hơn 90% dân số mù chữ. Ngân khố lúc này gần như trống rỗng, lực lượng cách mạng còn nhỏ bé và thiếu về trang bị.

Theo thỏa thuận trong Hội nghị Potsdam, một số nước Đồng minh tham gia Chiến tranh Thế giới thứ hai (1939-1945) sẽ tiến vào Đông Dương thực hiện nghĩa vụ giải giáp

tàn quân phát xít. Lợi dụng nhiệm vụ này, một số nước khi đem quân vào Đông Dương đã thực hiện mưu đồ chính trị riêng của mình, cụ thể: Ở vĩ tuyến 16 trở ra Bắc Đông Dương, quân Quốc dân Đảng Trung Hoa được giao nhiệm vụ chiếm đóng và giải giáp quân đội phát xít Nhật; và từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam Đông Dương là quân đội Anh. Được sự giúp đỡ của quân Anh, Pháp quay trở lại chiếm đóng Nam Bộ, ngày 23/9/1945, quân Pháp đã nã súng vào nhân dân Nam Bộ rồi tiến quân ra Nam Trung Bộ. Như vậy, cùng một thời gian trên lãnh thổ Việt Nam, nhiều kẻ thù nước ngoài còn đóng lại, gồm: 20 vạn quân đội của Tưởng giới Thạch và quân đội của Anh, Pháp, Nhật. Trong khi đó, bọn phản động trong nước lại câu kết với các thế lực bên ngoài chống lại chính quyền cách mạng.

Trong những năm 1945-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã đề ra các đối sách kịp thời, ứng phó mau lẹ và hiệu quả với lực lượng của các nước lớn và bốn đạo quân của nước ngoài đang có mặt ở Việt Nam. “Người phát hiện sự căng thẳng giữa Mỹ, Trung Hoa Quốc dân Đảng với Anh, Pháp trong vấn đề thuộc địa và Đông Dương. Vì vậy, trong quá trình xử lý các quan hệ trực tiếp, phức tạp với Pháp và các tướng lĩnh Trung Hoa Quốc dân Đảng có mặt ở Bắc Việt Nam, Chính phủ Hồ Chí Minh đã triệt để khai thác các cam kết của Mỹ và Đồng minh đưa ra trong chiến tranh Thế giới thứ hai” (Nguyen, 2002, pp.152-153).

2.2. Hoạt động ngoại giao tiêu biểu với một số nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

2.2.1. Chính sách và mục đích hoạt động ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội nghị Đảng và Đại hội Tân Trào (14-15/8/1945). Cùng với chỉ thị tiến hành Tổng khởi nghĩa, Hội nghị đề ra chủ trương và đường lối đối ngoại của Việt Minh trong tình hình mới.

“Về chủ trương: Đối với quân Đồng minh vào nước ta, trong lúc chờ chỉ thị của Đảng phải tránh xung đột quân sự; song nơi nào chúng vào phải làm vườn không nhà trống, đồng thời chỉ huy quần chúng biểu tình phản đối mưu mô của Pháp khôi phục địa vị cũ ở Đông Dương. Đối với quân Mỹ, Anh, Tàu vào nước ta thì trong lúc đợi chỉ thị của Đảng: Tránh xung đột. Giao thiệp thân thiện” (Communist Party of Vietnam, 2000, vol.7, p.426).

Trên cơ sở đề ra đường lối đối ngoại như trên, về chính sách ngoại giao, Đảng nhấn mạnh những vấn đề sau:

- a. Sự mâu thuẫn giữa hai phe đồng minh Anh, Pháp và Mỹ, Tàu về vấn đề Đông Dương là một điều ta cần lợi dụng.
- b. Sự mâu thuẫn giữa Anh, Mỹ, Pháp và Liên Xô có thể làm cho Anh, Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở lại Đông Dương.

Chính sách chúng ta là phải tránh cái trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng đồng minh (Tàu, Pháp, Anh, Mỹ) tràn vào nước ta và đặt chính phủ Pháp Đờ Gôn hay một chính phủ bù nhìn khác trái với ý nguyện dân tộc.

Bởi vậy cần tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và Mĩ chống lại mưu mô của Pháp định khôi phục địa vị cũ ở Đông Dương và mưu mô của một số quân phiệt Tàu định chiếm nước ta.

Dù sao chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi giữa ta và Đồng minh. (Communist Party of Vietnam, 2000, vol.7, p.427).

Trên cơ sở xác định chính sách nêu trên, những hoạt động ngoại giao của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong giai đoạn 1945-1954 nhằm mục đích sau:

- Bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng.
- Phân hóa kẻ thù nhằm phá vòng vây cô lập của kẻ thù.
- Đẩy mạnh và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô, có thêm đồng minh cùng chống giặc ngoại xâm.
- Tìm kiếm cơ hội cho nền hòa bình tại Việt Nam.

Với những mục đích như trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành các hoạt động nhằm thiết lập mối quan hệ ngoại giao với đại diện các nước, các tổ chức quốc tế nhằm xác lập vị thế và chủ quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2.2.2. Hoạt động ngoại giao tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh với một số nước trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

a. Hoạt động ngoại giao tranh thủ Anh trong việc (cùng Pháp) chống lại ảnh hưởng của Mĩ

Nước Anh là lực lượng của phe Đồng minh chống phát xít, có vai trò rất quan trọng đối với cục diện Đông Nam Á sau chiến tranh Thế giới thứ hai. Hoạt động ngoại giao của người đứng đầu Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với nước Anh trong kháng chiến chống Pháp nhằm mục đích bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng đất nước vững mạnh.

Năm 1944, để thể hiện thái độ của Anh với các nước không phải thuộc địa của mình, nước Anh từng tuyên bố duy trì chính sách “bất đồng” và “không muốn dính líu đến những vấn đề chính trị hay dân sự ở những vùng không phải của nước Anh” (Dang, 2004, p.15).

Dù biết rõ lập trường của Anh muốn ủng hộ Pháp quay trở lại Đông Dương, nhưng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn không ngừng tìm kiếm cơ hội hòa bình cho dân tộc. Với trọng trách là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Trung ương Đảng hoạch định đường lối ngoại giao cho đất nước cũng như trực tiếp thực hiện các hoạt động ngoại giao.

Tháng 01/1946 khi quân đội Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi nhiều thư tới Bộ trưởng Ngoại giao nước Anh và Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc thông báo về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khẳng định tính hợp pháp của nhà nước đó và lên án hành động phi nghĩa, trái với các luật lệ quốc tế của Pháp. Người khẳng định: “Chính phủ và nhân dân Việt Nam mong muốn hợp tác với tất cả các nước dân chủ trên thế giới. Người kêu gọi các cường quốc nhanh chóng công nhận nền độc lập của Việt Nam và ủng hộ Việt Nam gia nhập tổ chức Liên Hiệp Quốc” (Dang, 2004, pp.40-41).

Năm 1948, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã gửi đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc và Ủy ban Kinh tế châu Á, Viễn Đông của Liên Hiệp Quốc. Thế nhưng những yêu cầu chính đáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không được chính phủ Anh đáp lại.

Năm 1954, khi chiến sự trên chiến trường có lợi cho cách mạng Việt Nam, Pháp muốn thoát ra khỏi chiến tranh trong danh dự. Chính sách của Anh lúc này là “ủng hộ Pháp theo khả năng của mình, đồng thời tránh lôi cuốn vào một cuộc can thiệp quân sự tập thể. Giải quyết vấn đề Đông Dương, làm dịu tình hình Viễn Đông có lợi cho việc củng cố “Khối thịnh vượng chung” ở châu Á, vào thời điểm Anh đang phải đối phó với phong trào du kích cộng sản ở Malaysia” (Nguyen, 2015, p.140)

Trong quá trình đàm phán và đi đến kí kết Hiệp định Geneva (21/7/1954), Ngoại trưởng Anh, với tư cách là đồng chủ tịch hội nghị, đã điều hành và đi đến thống nhất những vấn đề có liên quan đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình cho Việt Nam.

Như vậy, quan hệ Việt – Anh trong kháng chiến chống Pháp tuy không có nhiều hoạt động nhưng đã lại nhiều dấu ấn trong lịch sử ngoại giao Việt Nam giai đoạn này. Nước Anh tuy ủng hộ Pháp quay trở lại Đông Dương, nhưng những năm cuối của cuộc chiến tranh Việt – Pháp, Anh đồng tình với Pháp trong vấn đề kết thúc trong danh dự cũng như không muốn dính líu đến cuộc chiến ở Đông Dương. Bên cạnh đó, Anh còn chống lại ảnh hưởng của Mỹ đang thiết lập tại Đông Dương. Hành động này cho thấy thái độ mềm mỏng, có cái nhìn tích cực của giới chính trị nước này đối với cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập của dân tộc Việt Nam.

b. Hoạt động ngoại giao tranh thủ Liên Xô ủng hộ và công nhận nền độc lập của Việt Nam

Sau ngày nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (02/9/1945), Việt Nam tìm mọi cách liên lạc với Liên Xô. Liên tiếp từ tháng 9 đến tháng 10/1945, từ Pari, những bức điện khẩn của Chủ tịch Hồ Chí Minh liên tục được chuyển tới Mátxcova, song đã không nhận được phản hồi. Đến năm 1947, những cuộc tiếp xúc bí mật của Liên Xô với đại diện chính thức của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới bắt đầu.

Đầu năm 1948, “các đại diện Liên Xô nhiều lần tiếp các đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Thái Lan, đồng thời giúp phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chuẩn bị lập các phòng thông tin ở Ba Lan và Tiệp Khắc” (Department of Defense, 2018, p.37). Cuối năm 1948 đánh dấu bước tiến trong sự ủng hộ của Chính phủ Liên Xô đối với Việt Nam: “Liên Xô đề nghị Hội đồng kinh tế châu Á – Viễn Đông đáp ứng nguyện vọng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kết nạp Việt Nam làm hội viên” (Department of Defense, 2018, p.37).

Như vậy, từ năm 1948 cho đến khi hai nước đặt quan hệ ngoại giao chính thức (1950), nhờ có sự hỗ trợ của Liên Xô, các phái đoàn của Việt Nam mở rộng khả năng ra nước ngoài tham dự các hội nghị quốc tế và nhận được sự ủng hộ của một số nước dân chủ

dân dân khác. Đây cũng chính là tiền đề quan trọng cho việc tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa hai nhà nước.

Khi các lực lượng Đồng Minh tiếp tay cho thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh tái chiếm Đông Dương, xâm lược Việt Nam lần thứ hai, “Chính phủ Liên Xô kiên quyết phản đối những hành động đó, phản đối mọi sự can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân Việt Nam... Liên Xô tăng cường lên án âm mưu gây chiến của thực dân Pháp ở Đông Dương, tuyên truyền cho hoạt động ngoại giao của Chính phủ Hồ Chí Minh và cho Hiến pháp dân chủ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.” (Department of Defense, 2018, p.37). Điều này cho thấy sự ủng hộ của Liên Xô đối với cách mạng Việt Nam ngày càng rõ nét.

Ngày 23/01/1950, thay mặt Chính phủ Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoàng Minh Giám đã gửi công hàm tới Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô, đề nghị hai nước kiến lập quan hệ ngoại giao chính thức và trao đổi đại sứ. Ngày 30/01/1950, Liên Xô đáp lại công hàm của Chính phủ Việt Nam, nói rõ: “Sau khi xem xét lời đề nghị của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nhận thấy Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đại diện cho đại đa số nhân dân Việt Nam, Chính phủ Liên Xô quyết định kiến lập bang giao giữa Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô – Viết và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và trao đổi đại sứ” (Vietnam - Soviet Union 30 years of relationship, 1980, p.9). Sự kiện Liên Xô công nhận Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và đó là dấu son trong quan hệ ngoại giao chính thức giữa Việt Nam – Liên Xô, xây dựng tiền đề pháp lí quốc tế cho sự hợp tác toàn diện giữa hai nước, tạo điều kiện cho các nước xã hội chủ nghĩa công nhận Việt Nam, cô lập chính quyền Bảo Đại.

Ngày 03/02/1950, từ Bắc Kinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi tàu hỏa đến Mát-xcơ-va. Người đã có cuộc gặp gỡ, hội đàm với các nhà lãnh đạo Đảng và nhà nước Liên Xô. Chính phủ Liên Xô hứa sẽ tích cực viện trợ về mọi mặt cho cuộc kháng chiến của Việt Nam, giúp đào tạo cán bộ trên mọi lĩnh vực cho cuộc kháng chiến và kiến quốc sau này. Đại nguyên soái Xtalin nói: “Trước kia do nhiều nguồn tin chưa chính xác nên lãnh đạo Liên Xô chưa hiểu tình hình Đông Dương và Việt Nam; nay Liên Xô đồng tình với đường lối của Đảng Việt Nam, sẽ cùng các nước xã hội chủ nghĩa công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và tích cực viện trợ cho Việt Nam trong kháng chiến và đào tạo cán bộ cho xây dựng hòa bình.” (Nguyen, 2015, p.121).

Tháng 9/1952, tại phiên họp thường kì của Hội đồng Bảo an, đại diện Chính phủ Liên Xô đã kiến nghị xét đơn và kết nạp Việt Nam vào Liên Hiệp Quốc. Các nước Anh, Pháp, Mỹ phản đối vì Việt Nam không phải là một quốc gia. Nhưng Liên Xô đã chỉ ra rằng: “Ở Việt Nam hiện nay chỉ có Chính phủ Hồ Chí Minh là chính phủ hợp pháp. Chính phủ đó là do Quốc hội – kết quả của tổng tuyển cử tự do và bỏ phiếu kín ngày 06 tháng 01 năm 1946 lập nên... khác Chính phủ Bảo Đại là do thực dân Pháp, đế quốc Mỹ dựng lên.” (Department of Defense, 2018, p.41).

Được sự kết nối của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan hệ Việt Nam – Liên Xô trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) diễn ra tương đối thuận lợi. Nhờ có sự giúp đỡ của Liên Xô mà Việt Nam đã mở rộng các hoạt động đối ngoại ra bên ngoài, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa. Liên Xô đã đóng góp tích cực trong việc xúc tiến một hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, trong đó kết quả của Hội nghị Giơnevơ đã giúp miền Bắc Việt Nam được giải phóng hoàn toàn.

c. Hoạt động ngoại giao tranh thủ Mỹ chống việc tái lập chế độ thuộc địa của Anh và Pháp

Chính sách của Mỹ về vấn đề Đông Dương sau chiến tranh Thế giới thứ hai (năm 1945), “không giúp Pháp lập lại sự kiểm soát ở Đông Dương” (Vu, 2010, p.130). Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy cần phân hóa Mỹ, Pháp, tranh thủ những mặt tích cực của Mỹ, chí ít cũng trung lập hóa Mỹ. “Đối với Anh, Mỹ, Tưởng thì tránh xung đột, giao thiệp thân thiện và đề phòng” (Tran, 2017, p.109).

Vào cuối tháng 10/1945, khi Tổng thống Mỹ Truman đã ra tuyên bố 12 điểm về chính sách đối ngoại. Nhân dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu với các nhà báo và nhắc lại những quan điểm trên của Mỹ, trong đó có 5 điểm có quan hệ mật thiết với các dân tộc nhược tiểu trên thế giới:

1. Hoa Kỳ không nghĩ tới một sự mở mang bờ cõi nào vì những mục đích ích kỉ.
2. Hoa Kỳ tin tưởng vào sự trở lại chủ quyền của hết thảy các dân tộc đã mất chủ quyền bởi cường lực.
3. Hoa Kỳ không ủng hộ một sự thay đổi lãnh thổ mà không được chính các dân tộc đương sự hòa thuận.
4. Tất cả các dân tộc đang bị trị, được tự chọn lấy chính thể của họ.
5. Không một chính phủ nào thành lập bằng sự áp bức, bằng vũ lực trên một dân tộc khác lại sẽ được Hoa Kỳ chấp thuận cả” (Vu, 2010, p.96-97).

Sau khi nhắc lại các điểm trên, Người chỉ ra rằng: “Thực dân Pháp đang áp bức dân tộc Việt Nam bằng vũ lực, muốn lập lại chế độ của họ trên đất nước Việt Nam... và mong muốn rằng nước Mỹ sẽ làm cho những lời tuyên bố ấy thực hiện ngay. Nó đặt nền móng cho hòa bình và hạnh phúc của nhân loại mà trước hết là các dân tộc nhỏ yếu” (Vu, 2010, p.97). Chính phủ Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư, điện đến Tổng thống Truman yêu cầu Mỹ ủng hộ nền độc lập của Việt Nam, ngăn chặn các âm mưu xâm lược của Pháp.

Ngày 16/02/1946, Người đã gửi thư tới Tổng thống Truman, trong đó có đoạn:

Nhưng thực dân Pháp, những kẻ trong thời chiến đã phản bội các nước Đồng minh lẫn nhân dân Việt Nam, đã quay lại và đang tiến hành một cuộc chiến tranh tàn sát và không thương xót đối với chúng tôi hòng lập lại ách thống trị của họ. Cuộc xâm lăng của họ đã mở rộng ở Nam Việt Nam và đang đe dọa chúng tôi ở Bắc Việt Nam... Sự xâm lược này là trái với những nguyên tắc của luật pháp quốc tế và trái với những cam kết của các nước Đồng minh trong chiến tranh thế giới... Chính vì niềm tin vững chắc này mà chúng tôi yêu cầu Hợp chúng quốc với tư cách là những người bảo vệ và những người bên vực công lí thế giới, thực hiện một bước quyết định ủng hộ nền độc lập của chúng tôi. (Ho Chi Minh, 2011, pp.203-204).

Tuy nhiên, lời kêu gọi đầy thiện chí này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không được Mĩ hồi đáp, mà trái lại, Mĩ còn đồng ý cho Pháp lập một cơ quan hành chính dân sự ở miền Bắc. Hành động này của Mĩ khiến một số tướng lĩnh và cố vấn Mĩ không đồng tình, họ muốn kiềm chế Pháp và Tưởng, chuẩn bị điều kiện cho Mĩ sau này vào Đông Dương. Trong nhiều lần tiếp xúc, gặp gỡ với thiếu tá Pátti, Trưởng phái bộ tiền trạm Đồng minh ở Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích tình hình ở Việt Nam và thái độ thiện chí của Người đối với nước Mĩ. Khi Pháp gây hấn ở Nam Bộ, Pátti và Ganlanghe (tướng làm cố vấn cho Lư Hán) cùng với Lư Hán đã vô hiệu hóa âm mưu của Pháp, vận động thả và vũ trang cho tù binh Pháp ở Hà Nội. Điều này cho thấy dù tình hình chính sự có diễn biến phức tạp như thế nào Hồ Chí Minh vẫn không bỏ cuộc, đấu tranh bảo vệ quyền lợi của dân tộc tới cùng. Với khả năng ngoại giao của mình, Người đã khéo léo vận động, chứng minh cho đối phương thấy hành động thiện chí và chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Có thể nói, Hồ Chí Minh đã xử lí rất khôn khéo mối quan hệ với các nước lớn, tranh thủ với đối tác, các lực lượng có thể tranh thủ được, chí ít là tập trung họ để họ không bị lôi kéo về phía đối địch với phương châm sao cho có nhiều bạn đồng minh nhất, ít kẻ thù nhất.

d. Hoạt động ngoại giao tranh thủ thiết lập quan hệ Liên hiệp Pháp tránh chiến tranh với Pháp

Theo nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Kẻ thù chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là thực dân Pháp, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng và phải đặt riêng bọn thực dân Pháp ra một bên mà đánh, đừng “bỏ” cả Anh, Pháp vào “một bị” và đừng coi họ là những kẻ thù ngang nhau. Đối với Anh, Mĩ, Tưởng thì tránh xung đột, giao thiệp thân thiện và đề phòng” (Truong, 2017, p.109).

Trong quan hệ với Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phân hóa và cô lập đối phương, tập trung đối phó với đối tượng chủ yếu của cách mạng. Thực hiện phương châm thêm bạn bớt thù, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương để phân hóa kẻ thù là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược của cách mạng, đặc biệt trong hoàn cảnh phải đấu tranh với nhiều đối thủ mạnh hơn.

Sau khi Hoa – Pháp kí với nhau Hiệp ước Trùng Khánh ngày 28/02/1946, chính quyền cách mạng đứng trước nguy cơ cùng một lúc ba kẻ thù (Pháp, Tưởng, bọn bán nước). Trước tình thế cấp bách này, Hồ Chí Minh đã đưa ra những sách lược khôn khéo và mềm dẻo: “Đối với những kẻ là tay sai của quân Tưởng, một mặt Hồ Chí Minh vừa mềm dẻo để thuyết phục, tranh thủ những người có xu hướng yêu nước, mặt khác buộc bọn cầm đầu phải chấp nhận hòa hoãn, kiên quyết ngăn chặn những hành động phá hoại của chúng.” (Truong, 2017, p.109).

Đối với Pháp, ngay từ cuối tháng 9/1945, trên cơ sở nắm được mưu toan thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã có chủ trương rất rõ ràng: “Ta không chống nước Pháp, không tư thù tư oán, chỉ coi bọn thực dân Pháp là kẻ thù chính cần tiêu diệt, còn nhân dân Pháp là

bạn thì không chống mà hữu nghị, thân thiện, khoan hồng với tù binh Pháp nhằm cô lập hóa cao độ bọn Pháp hiếu chiến, xâm lược.” (Vu, 2005, p.97).

Muốn giải quyết bài toán phân hóa kẻ thù, Hồ Chí Minh đã nhân nhượng kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 nhằm đẩy quân đội Tưởng và các nhóm tay sai của Tưởng ra khỏi Việt Nam. Hiệp định gồm những nội dung chính:

1. Nước Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, tài chính của mình, ở trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp.
2. Chính phủ Pháp cam đoan sẽ thừa nhận những quyết định của cuộc trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất ba Kỳ.
3. Nước Việt Nam thuận để 15.000 quân Pháp vào Bắc Việt Nam làm nhiệm vụ thay thế quân đội Trung Hoa. Số quân này sẽ rút hết sau một thời gian được quy định là 5 năm. Ở miền Nam Việt Nam, hai bên đình chiến để mở một cuộc đàm phán chính thức. Trong khi đàm phán, quân hai bên ở đâu đóng đấy” (Ho, 2011, pp.583-584).

Một ngày sau khi kí Hiệp định Sơ bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói tại cuộc mít tinh ở Hà Nội: “Nước ta đã tuyên bố độc lập từ tháng 9/1945. Nhưng tới nay, chưa một cường quốc nào công nhận nền độc lập của ta. Cuộc điều đình với nước Pháp sẽ mở ra con đường làm cho quốc tế thừa nhận ta. Nó sẽ dẫn ta đến một vị trí ngày càng chắc chắn trên trường quốc tế. Đó là một thắng lợi lớn về mặt chính trị” (Vo, 1997, p.388). Sự chứng kiến của đại diện Mỹ, Anh, Pháp trong buổi kí Hiệp định đã góp phần nâng cao uy tín của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, gắn trách nhiệm của họ với tình hình Việt Nam sau này.

Tuy nhiên, ở Nam Bộ, quân Pháp vẫn tiếp tục mở rộng chiến tranh xâm lược. Trước tình hình đó, ngày 13/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thông điệp yêu cầu phía Pháp mở ngay cuộc đàm phán chính thức. Ngày 16/4/1946, phái đoàn Quốc hội của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phạm Văn Đồng dẫn đầu lên đường sang thăm Pháp. Ngày 31/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Pháp chính thức, phái đoàn ngoại giao do Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn đến Pháp để đàm phán với phái đoàn Chính phủ Pháp tại Phôngtennoblô. Chuyến đi của Hồ Chí Minh sang Pháp lúc này là để trực tiếp chỉ đạo cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam với Chính phủ Pháp, cũng như là dịp tốt để đề cao nước Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới.

Hội nghị Phôngtennoblô họp từ ngày 06/7-01/8/1946 thì tạm ngừng do thực dân Pháp cố tình phá hoại bằng việc mở Hội nghị Liên bang Đông Dương tại Đà Lạt vào ngày 01/8/1946 và chiều ngày 13/9/1946, phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rời Pháp về nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn ở lại Paris vài ngày nữa. Tại đây, Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục tiếp xúc với Chính phủ Pháp mà cụ thể là gặp gỡ Thủ tướng Pháp G. Biđôn và Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại M. Mu-tê để hội nghị hai bên có thể họp lại. Vì lúc này, sự hòa hoãn Việt – Pháp mà Việt Nam nỗ lực duy trì đang đến gần chỗ tan vỡ. Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn cố gắng giữ mối quan hệ mong manh với Chính phủ Pháp, tiếp tục tỏ thái

độ hữu nghị với nhân dân Pháp để giành thêm sự đồng tình, ủng hộ của dư luận Pháp và dư luận thế giới, tranh thủ thêm một ít thời gian nữa để xây dựng lực lượng.

Ngày 14/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp lại M. Mutê và G. Biđôn. Đêm hôm đó, Người lại cùng Mu-tê và Jean Sainteny xem xét các điều khoản của bản dự thảo và kí với Mu-tê bản Tạm ước Việt – Pháp ngày 14/9/1946. “Tạm ước ngày 14/9/1946 quy định hai bên đình chỉ xung đột, phía Pháp bảo đảm thực hiện các quyền tự do dân chủ ở Nam Bộ và thả những người Việt Nam yêu nước bị bắt. Phía Việt Nam bảo đảm quyền lợi kinh tế, văn hóa của Pháp tại Việt Nam, cuộc đàm phán giữa hai bên sẽ tiếp tục vào tháng 01/1947” (Ho, 2011, p.588). Đây là một sự lựa chọn cần thiết và duy nhất đúng trong tình hình quan hệ Việt – Pháp đang căng thẳng đến mức sắp tan vỡ, nhằm kéo dài thêm sự hòa hoãn với thực dân Pháp một thời gian nữa.

Sau khi Tạm ước, Người nhanh chóng về nước bằng đường biển nhằm lãnh đạo nhân dân tiếp tục đấu tranh chống lại những âm mưu của Pháp đang thực hiện tại Việt Nam. Khi nói về ý nghĩa của bản Tạm ước với Pháp, báo Sự thật của Đảng ra số ngày 20/9/1946 viết:

Ý chí của Hồ Chủ tịch trong khi kí bản thỏa hiệp tạm thời là nhất quyết làm cho cuộc bang giao Việt – Pháp tiến bộ hơn ngày 06 tháng 3, tình giao hảo giữa hai dân tộc dân chủ thân mật hơn và để thực hiện điều khoản của bản thỏa hiệp tạm thời có thể hòa hoãn những gay go giữa Việt – Pháp và dành thêm thời gian để bồi đắp thực lực và đón lấy một tình thế tốt hơn, để tỏ cho nhân dân Pháp thấy rằng dân tộc ta muốn thỏa thuận với nhân dân Pháp và do đó tăng thêm tình cảm của nhân dân Pháp và các dân tộc tự do khác đối với nước ta. (Vu, 2010, p.129).

Có thể nói, dù phải nhân nhượng kí Tạm ước với Pháp nhưng tất cả đều nhân nhượng có giới hạn và không làm tổn hại đến chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc. Đây là một bước “hoãn binh chi kế” khôn khéo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. “Với bản Tạm ước ngày 14 tháng 9, Việt Nam đã buộc Chính phủ Pháp cam kết thực hiện đình chiến, thực hiện những quyền tự do, dân chủ tại Nam Bộ và mở ngay cuộc trưng cầu ý dân để thực hiện cuộc thống nhất ba “kì” ngay sau khi có điều kiện” (Vu, 2010, p.130)

Như vậy, quan hệ Việt – Pháp trong năm 1946 xoay quanh các vấn đề về tập kết chuyển quân và ngừng bắn. Dù đã phải kí với Pháp Hiệp định sơ bộ (06/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946) nhưng tham vọng muốn chiếm toàn bộ Việt Nam của Pháp vẫn không hề giảm sút. Để giải quyết vấn đề này, chỉ có thể thực hiện bằng các cuộc giao tranh quân sự trên chiến trường giữa hai bên mà thôi.

2.3. Ý nghĩa, tác dụng của hoạt động ngoại giao với các nước Anh, Liên Xô, Mĩ, Pháp

Tìm hướng giải quyết các vấn đề tại Việt Nam bằng phương pháp hòa bình. Hoạt động ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Anh, Mĩ ở những năm 1945-1954 nhằm tìm kiếm sự ủng hộ và một giải pháp ít đổ máu nhất cho nhân dân Việt Nam. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp Hiệp định sơ bộ (06/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946) nhằm mục đích giải quyết những vấn đề chiến tranh ở Việt Nam bằng con đường ít đổ máu nhất và có thời gian hòa hoãn hai bên để chuẩn bị lực lượng.

Đặt nền móng cho quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Ngày 30/01/1950, hai nước Việt Nam – Liên Xô chính thức đặt quan hệ ngoại giao, sự kiện này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế và nước ta có thêm đồng minh chống Pháp.

Góp phần tạo cơ sở về sau cho việc các nước lớn mở Hội nghị quốc tế ở Gionevơ bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương. Ngày 26/02/1954, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc bức điện, bày tỏ lập trường về Hội nghị Gionevơ và những vấn đề liên quan tới Việt Nam:

Chúng tôi đề nghị các đồng chí chuyển tải đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Bắc Việt), đồng chí Hồ Chí Minh nội dung thảo luận tại cuộc họp các Bộ trưởng Bộ Ngoại giao các nước Liên Xô, Hoa Kỳ, Anh, Pháp tại Béclin và các nước có liên quan về việc tổ chức Hội nghị ở Gionevơ vào ngày 26 tháng 4 năm 1954... Chúng tôi thông báo với các đồng chí rằng, theo cách hiểu của chúng tôi, “các nước có liên quan ở Đông Dương” gồm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chính phủ bù nhìn Bảo Đại, Lào, Campuchia. Chúng tôi biết rằng, các đồng chí Việt Nam rất quan tâm đến việc triệu tập Hội nghị Gionevơ và khả năng tham gia Hội nghị. Chúng tôi nghĩ rằng, các đồng chí Trung Quốc cũng nhất trí với với quan điểm của chúng tôi. (Department of Defense, 2018, p.42).

Ngày 27/4/1954, Anh, Mỹ ủy nhiệm Pháp gặp Liên Xô thỏa thuận về thành phần Hội nghị. Trong cuộc hội đàm với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp G. Bidôn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô V. M. Mólôtốp đặt vấn đề: “Không thể bàn bạc về khôi phục hòa bình ở Đông Dương nếu các bên liên quan không có mặt.” (Department of Defense, 2018, p.43). Hành động ủng hộ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Liên Xô có ý nghĩa rất quan trọng, đưa Việt Nam lần đầu được tham dự một hội nghị quốc tế lớn mặc dù chưa được các nước Anh, Mỹ, Pháp công nhận về mặt ngoại giao.

3. Kết luận

Trên cơ sở những hoạt động ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nói chung và vai trò của người đứng đầu Nhà nước trong việc đưa ra những đường lối, sách lược và chiến lược ngoại giao với các nước Anh, Liên Xô, Mỹ, Pháp trong kháng chiến chống Pháp nói riêng. Có thể nhìn nhận về những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này như sau:

Tích cực tìm kiếm những giải pháp hòa bình cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Trước hành động quay trở lại Đông Dương, đặt ách thống trị lần hai tại Việt Nam của Pháp. Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư tới Liên Hiệp Quốc và các nước Anh, Liên Xô, Mỹ, nhằm tìm kiếm sự ủng hộ từ Tổ chức quốc tế và các nước này cho cuộc chiến đang diễn ra ở Việt Nam.

Góp phần giải quyết bài toán phân hóa kẻ thù giữa Pháp và Tưởng trong năm đầu khi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới tuyên bố độc lập (năm 1946) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng: Việc kí Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 đã tạo cho Việt Nam

duy trì cục diện hòa hoãn và hợp tác với Pháp, dùng biện pháp chính trị, kinh tế để đạt được độc lập, thống nhất hoàn toàn. Đồng thời quân đội cách mạng có thời gian gấp rút củng cố và tăng cường lực lượng, chuẩn bị kháng chiến toàn quốc.

Hoạt động ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong những năm 1945-1954 cùng với mặt trận quân sự đã góp phần vào công cuộc thống nhất đất nước, tạo cơ sở cho việc mở Hội nghị quốc tế ở Giơnevơ (21/7/1954).

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Communist Party of Vietnam (2000). *Van kien Dang toan tap* (Tập 7) [Complete Collection of Party Documents (Episode 8)]. Hanoi: National Political Publishing House.
- Communist Party of Vietnam (2000). *Van kien Dang toan tap* (Tập 8) [Complete Collection of Party Documents (Episode 8)]. Hanoi: National Political Publishing House.
- Dang, V. T. (2004). *Hoat dong doi ngoai cua Chu tich Ho Chi Minh trong khang chien chong Phap* [President Ho Chi Minh's diplomacy activities in the anti-French resistance war]. Hanoi: National Political Publishing House.
- Department of Defense (2018). *Lien Xo ung ho, giup do Viet Nam trong hai cuoc khang chien chong thuc dan Phap va de quoc Mi (1945-1945)* [The Soviet Union supported and helped Vietnam in the two resistance wars against the French colonialists and the American imperialist]. Hanoi: People's Army Publishing House.
- Ho Chi Minh (2011). *Ho Chi Minh: Toan tap* (Tập 4) [Ho Chi Minh: Full episode (Episode 4)]. Hanoi: National Political Publishing House.
- Nguyen, D. B. (2015). *Ngoai giao Viet Nam: 1945-2000* [Vietnamese Diplomacy: 1945-2000]. Hanoi: National Political Publishing House.
- Nguyen, D. N. (2002). *Tu tuong ngoai giao Ho Chi Minh* [Ho Chi Minh's diplomatic thought]. Hanoi: National Political Publishing House.
- Tran, M. T. (2017). *Van dung sang tao va phat trien tu tuong, nghe thuat ngoai giao Ho Chi Minh trong tinh hình moi* [Creative application and development of Ho Chi Minh's diplomatic thought and art in the new situation]. Hanoi: National Political Publishing House.
- Viet Nam – Lien Xo 30 năm quan he (1950-1980)* [Vietnam – Soviet Union 30 years of relationship (1950-1980)]. Hanoi: Diplomatic Publishing House. Moscow: Improvement Publishing House, 1980.
- Vo, N. G (1977). *Nhung chang duong lich su* [Historical journeys]. Hanoi: Literary Publishing House.
- Vu, D. H (2005). *Tu tuong Ho Chi Minh ve ngoai giao* [Ho Chi Minh's ideology about diplomacy]. Hanoi: Youth Publishing House.
- Vu, K. (2010). *Chu tich Ho Chi Minh voi cong tac ngoai giao* [President Ho Chi Minh with diplomacy]. Hanoi: National Political Publishing House.

**PRESIDENT HO CHI MINH'S DIPLOMATIC ACTIVITIES WITH UK, USSR,
USA AND FRANCE IN THE WAR AGAINST THE FRANCE (1945-1954)**

Nguyen Thi Huong^{1}, Le Khac Su²*

¹Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

²Tran Quoc Tuan University, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Thi Huong – Email: huongngt@hcmue.edu.vn*

Received: November 14, 2021; Revised: February 17, 2022; Accepted: April 22, 2022

ABSTRACT

After the declaration of independence (September 2, 1945), along with the gathering of all people's strength to fight against the French invasion, the establishment and expansion of international relations with the Allies against fascism (the Soviet Union, the UK, France, the USA, and France) to enlist support, help, and find a peaceful solution for the Vietnamese people is very important. Using historical approach and, documentation, the article presents the basic diplomatic activities of President Ho Chi Minh with some large countries in the years 1945 to 1954 to clarify the smart and flexible foreign policy as well as correct and creative leadership of the head of the Democratic Republic of Vietnam in foreign affairs with representatives of the Soviet Union, the UK, France, and the USA after World War II (1945).

Keywords: diplomatic activities; France; President Ho Chi Minh; the Soviet Union; the UK; the USA